

**NGHỊ QUYẾT**

**Về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp  
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An  
giai đoạn 2015 đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 30/9/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 8935/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ, đầu tư của tỉnh Nghệ An dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 đến năm 2020 thuộc dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Không áp dụng hỗ trợ cho các dự án sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nhà đầu tư được hỗ trợ, đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ sử dụng trong Nghị quyết này được hiểu như sau:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ là việc ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho nhà đầu tư khoản kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này, sau khi nhà đầu tư bỏ vốn trước để thực hiện dự án, các hạng mục công việc.

2. Ngân sách tỉnh đầu tư là việc ngân sách tỉnh đầu tư các hạng mục công trình phục vụ sản xuất (giao thông, thủy lợi,...) thông qua chủ đầu tư là UBND cấp xã, hoặc UBND cấp huyện, hoặc Sở quản lý chuyên ngành theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước.

### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ, đầu tư**

1. Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên xem xét hỗ trợ, đầu tư trước.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức hỗ trợ, đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ, đầu tư có lợi nhất.

### **Điều 5. Chính sách hỗ trợ, đầu tư đối với cơ sở chăn nuôi gia súc**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn, trâu, bò thịt tập trung có quy mô số lượng đầu con nhỏ hơn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11, Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, được ngân sách tỉnh hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án, ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này, dự án còn được hỗ trợ 70% chi phí, nhưng không quá 3 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

c) Ngoài hỗ trợ hạ tầng quy định tại điểm a, điểm b khoản này, nếu dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi được hỗ trợ không quá 40% chi phí nhập giống gốc.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 700 đến dưới 1.000 con đối với lợn thịt; hoặc từ 300 con đến dưới 500 con đối với trâu, bò thịt.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

**Điều 6. Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với vùng sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)**

1. Nhà đầu tư có dự án sản xuất rau an toàn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) được ngân sách tỉnh hỗ trợ, đầu tư như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 1 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng nhà xưởng; mua máy móc, thiết bị; lắp đặt hệ thống tưới nước tự động; đóng gói, bảo quản sản phẩm.

- Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn. Nội dung kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn phải phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Ngân sách tỉnh đầu tư

Đầu tư xây dựng, cải tạo đường giao thông trục chính nội đồng, hệ thống thủy lợi, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ, đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô sản xuất tập trung từ 20 ha trở lên.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

**Điều 7. Chính sách hỗ trợ đầu tư các hạng mục phục vụ xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả**

1) Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi

a) Nhà đầu tư có dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả được ngân sách tỉnh đầu tư thông qua chính quyền địa phương, hoặc Sở quản lý chuyên ngành để xây dựng hồ chứa, đập dâng nhằm tạo nguồn nước tưới.

b) Các dự án được hưởng đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có quy mô diện tích tập trung 50 ha trở lên.

- Dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Công trình tạo nguồn nước tưới nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả đầu tư.

## 2. Đầu tư xây dựng công trình giao thông

Nhà đầu tư có dự án xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, cây ăn quả có quy mô tập trung 200 ha trở lên, nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt, được ngân sách tỉnh đầu tư thông qua chính quyền địa phương, hoặc Sở quản lý chuyên ngành để xây dựng đường giao thông trực chính vào trung tâm vùng nguyên liệu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

## Điều 8. Nguồn kinh phí và cơ chế thực hiện hỗ trợ, đầu tư

1. Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với các hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này. Khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, phê duyệt quyết toán thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

2. Ngân sách tỉnh thực hiện đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước đối với nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết này.

3. Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp phần kinh phí còn lại sau khi được ngân sách Trung ương hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 và các dự án không được ngân sách Trung ương hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

## Điều 9. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

## Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. /.

### Nơi nhận:

- VP Quốc hội, VP Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Châu